TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2019/DS-PT
Ngày 08-11-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tông;**

Ông **Lâm Văn Be.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hà Thị Cẩm V** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông **Nguyễn Minh Tâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2019/TLPT–DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 277/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp H, xã Đ huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Xuân L, sinh năm 1988; Chị Trương Ngọc V, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị M, sinh năm 1962; Ông Hà Văn Th, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt).

- Bà Dương Thị N, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp H, xã Đ huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Anh Hà Xuân L, chị Trương Ngọc V.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh A trình bày:

Ngày 01-01-2011 ông cho anh L, chị V vay 3.500.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 1,25%/tháng, hạn trả nợ vào ngày 01-6-2015. Việc vay tiền có lập giấy nợ do anh L, chị V viết ký tên, nhận tiền. Anh L, chị V trả tiền lãi từ ngày 01-01-2011 đến ngày 01-6-2015 mỗi tháng 43.000.000 đồng; tổng số tiền lãi anh L chị V phải trả cho ông trong khoảng thời gian này là 2.279.000.000 đồng, nhưng anh L chị V chỉ trả 2.179.000.000 đồng, còn nợ 100.000.000 đồng. Do anh L, chị V không trả được tiền gốc nên ngày 08-9-2015 thỏa thuận lại, anh L yêu cầu cộng 100.000.000 đồng tiền lãi còn nợ vào tiền gốc, tổng cộng 3.600.000.000 đồng, trong giấy này có tên bà Dương Thị M ký tên với tư cách là người bảo lãnh. Sau đó anh L có trả cho ông mỗi tháng 36.000.000 đồng tiền lãi đến ngày 31-12-2017 thì không trả nữa. Giấy mượn tiền lập ngày 11-03-2016 là do anh L viết để xác nhận số tiền còn nợ và hẹn ngày trả đến ngày 31-12-2016 sẽ bán đất và trả tiền. Ngoài 03 tờ giấy nợ nêu trên thì không còn giấy nợ nào khác.

Nay ông yêu cầu anh L, chị V trả cho ông 3.600.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Không yêu cầu bà M, ông Th liên đới trả.

Bà Dương Thị N thống nhất với lời trình bày của ông A.

Anh Hà Xuân L trình bày: Năm 2011 mẹ anh là bà Dương Thị M có vay của ông Nguyễn Thanh A 3.500.000.000 đồng; việc vay tiền có lập giấy với nội dung "tôi Dương Thị M có mượn 02 em số tiền 3.500.000.000 đồng" và giấy này ông A giữ. Sau khi vay, bà M trả tiền lãi đầy đủ mỗi tháng 43.000.000 đồng. Do không có khả năng trả lãi nên ông A cộng 100.000.000 đồng tiền nợ lãi vào gốc thành 3.600.000.000 đồng và viết lại giấy nợ khác với nội dung vay số tiền 3.600.000.000 đồng. Khoản vay này là do bà M vay nên anh không đồng ý trả.

Chị Trương Ngọc V trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh L. Các giấy vay tiền do chị ký tên là do bà M kêu chị và anh L ký tên. Chị và anh L không có vay tiền nên không đồng ý trả.

Bà Dương Thị M trình bày: Bà có vay tiền của ông Nguyễn Thanh A nhiều lần, cụ thể:

Lần thứ nhất vay 2.000.000.000 đồng; Lần 2 vay 1.000.000.000 đồng; Lần 3 vay 500.000.000 đồng. Các lần vay vào ngày tháng năm nào bà không nhớ, mỗi lần vay cách nhau 01 đến 02 tháng; việc vay có lập giấy nợ giao ông A giữ. Ngày 01-01-2011 có lập giấy nợ và thỏa thuận đến ngày 01-6-2015 trả nhưng bà không có khả năng trả cho ông A. Trong giấy vay tiền thể hiện Hà Xuân L, Trương Ngọc V là người vay tiền là do bà không biết chữ nên có nhờ con bà là anh L viết thay. Từ ngày vay cho đến ngày 01-6-2015, bà trả tiền lãi cho ông A mỗi tháng 43.000.000 đồng. Sau ngày 01-6-2015 bà tiếp tục trả tiền lãi cho ông A mỗi tháng 36.000.000 đồng; trả đến tháng 12 năm 2017 thì ngưng cho đến nay.

Hiện nay bà còn nợ ông A 3.500.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 100.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho ông A khoản nợ này. Anh L và chị V không có vay tiền ông A nên bà không yêu cầu anh L, chị V liên đới cùng trả.

Ông Hà Văn Th trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà M. Ông đồng ý cùng bà M trả tiền cho ông A. Anh L chị V không có vay tiền của ông A nên ông không yêu cầu anh L chị V liên đới trả.

Tại bản án sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 26-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh A tranh chấp hợp đồng "Vay tài sản" đối với anh Hà Xuân L, chị Trương Ngọc V. Buộc anh Hà Xuân L, chị Trương Ngọc V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh A, bà Dương Thị N 3.500.000.000 đồng tiền gốc, 1.211.253.333 đồng tiền lãi.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Thanh A yêu cầu anh Hà Xuân L, chị Trương Ngọc V trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 05-7-2019 của anh Hà Xuân L, chị Trương Ngọc V yêu cầu xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

*** Nội dung kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi và tính lại án phí. Cụ thể:

Về cách tính lãi: Bản án sơ thẩm đã giải quyết tính tiền lãi từ ngày 01/01/2011 đến ngày 01/01/2017 với mức lãi suất 1,125%/tháng và từ ngày 01/01/2017 đến ngày 26/6/2019 với mức lãi suất 1,66%/tháng là không đúng quy định tại tại điểm c khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019. Hợp đồng vay giữa anh L, chị V và ông A, bà N xác lập năm 2011, đang được thực hiện, mức lãi phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015. Do đó, trước ngày 01-01-2017 tiền lãi được áp dụng theo Bộ luật dân sự 2005. Cụ thể từ ngày 01-01-2011 đến ngày 01-6-2015 mức lãi suất trong hạn áp dụng 1,125%/tháng, lãi suất quá hạn sau ngày 01-6-2015 cho đến khi các bên chốt nợ và thỏa thuận thời hạn trả nợ mới thì mức lãi suất quá hạn áp dụng là 0,75%/ tháng. Số tiền lãi anh L chị V đã trả 1,25%/tháng là vượt so với mức lãi suất quy định, kể từ ngày 01-01-2011 đến ngày 01-6-2015 được khấu trừ vào vốn. Tòa án nhân dân huyện C không áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 cũng như không khấu trừ tiền lãi anh L chị V đã trả vượt vào gốc đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh L chị V.

Về tiền lãi đã nhận: Bản án nhận định ông A đã nhận tổng cộng 3.359.000.000 đồng tiền lãi là không chính xác. Bởi lẽ tiền lãi lần 1 là 2.279.000.000 đồng nhưng anh L chị V đã trả được 2.179.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng hai bên thống nhất cộng vào tiền gốc 3.500.000.000 đồng

nhưng không được chấp nhận là tiền gốc. Do vậy chỉ có căn cứ xác định ông A bà N đã nhận 3.259.000.000 đồng tiền lãi. Vì vậy, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông A trình bày: Anh L, chị V cho rằng bà M bị bệnh nên phiên tòa bị hoãn nhiều lần. Trước ngày xét xử, ngày 07/11/2019, anh nhờ người đến nhà bà M đổ xăng để xác nhận bà M vẫn mạnh khỏe và đang ở nhà. Do đó, anh không đồng ý tiếp tục hoãn phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Các đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa. Đối với anh Hà Xuân L và chị Trương Ngọc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hơn hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của anh L và chị V theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C; bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Dương Thị M và ông Hà Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà M và ông Th theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Hà Xuân L, chị Trương Ngọc V là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hơn hai lần nhưng vẫn vắng mặt thị bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh L và chị V theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

Giao dịch vay tiền giữa anh L, chị V và ông A được xác lập từ ngày 01/01/2011 – thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực; từ ngày 08/9/2015 đến khi phát sinh tranh chấp các bên thỏa thuận tính lãi 1,0%/tháng là phù hợp

với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 01-01-2011 đến ngày 01-6-2015: các bên thỏa thuận mức lãi suất 1,25%/tháng vượt mức quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, nên tính lại: 1,125%/tháng x 3.500.000.000 đồng x 53 tháng = 2.086.875.000 đồng.

Từ ngày 02-6-2015 đến ngày 31-12-2016 các bên thỏa thuận mức lãi suất 01%/tháng phù hợp với quy định. Tiền lãi được tính cụ thể: 3.500.000.000 đồng x 01%/tháng x 18 tháng 29 ngày = 663.333.333 đồng.

Từ ngày 01-01-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26-6-2019 là lãi quá hạn được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 cụ thể: 3.500.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 29 tháng 24 ngày =856.690.000 đồng. Như vậy tiền lãi anh L chị V phải trả theo quy định của pháp luật là 3.606.890.000 đồng. Tiền lãi anh L chị V đã trả cho ông A là 3.259.000.000 đồng. Nên anh L chị V còn phải trả tiếp 347.890.000 đồng

Quá trình thu thập chứng cứ các bên xác nhận, tổng số tiền lãi mà ông A đã nhận là 3.259.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông A đã nhận 3.359.000.000 đồng tiền lãi và áp dụng mức lại suất 1,125%/tháng tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 01/01/2017 và áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 26/6/2019 là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm.

[2] Án phí sơ thẩm: Anh L và chị V phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông A bà N; Ông A phải chịu tiền án phí trên số tiền không được Tòa án chấp nhận.

[3] Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho anh L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Hà Xuân L và chị Trương Ngọc V.

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Sửa bản án sơ thẩm số 51/2019/DS -ST ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh A đối với anh Hà Xuân L, chị Trương Thị Ngọc V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Hà Xuân L, chị Trương Ngọc V có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Thanh A 3.500.000.000 đồng tiền gốc và 347.890.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 3.847.890.000 đồng (Ba tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng)

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh A đối với anh Hà Xuân L, chị Trương Thị Ngọc V đối với khoản vay 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2018/QĐ-BPKCTT ngày 25-6-2018 tiếp tục có hiệu lực pháp luật cho đến khi có quyết định khác thay thế

4. Án phí sơ thẩm:

Anh Hà Xuân L, chị Trương Thị Ngọc V phải chịu 108.957.800 đồng (Một trăm lẽ tám triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn tám trăm đồng).

Ông Nguyễn Thanh A phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp 52.000.000 đồng theo biên lai số 0025619 ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh A 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

5. Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Hà Xuân L 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0015584 ngày 05-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.